

CHỈ SỐ GIÁ TIÊU DÙNG CẢ NƯỚC

KHU VỰC NÔNG THÔN

Tháng 01 năm 2011

Đơn vị tính: %

	CHỈ SỐ GIÁ THÁNG 01 NĂM 2011 SO VỚI		
	<i>Kỳ gốc năm 2009</i>	<i>Tháng 01 năm 2010</i>	<i>Tháng 12 năm 2010</i>
CHỈ SỐ GIÁ TIÊU DÙNG	118,63	112,09	101,86
I, Hàng ăn và dịch vụ ăn uống	123,19	116,30	102,61
1- Lương thực	129,31	115,27	102,42
2- Thực phẩm	121,99	117,46	102,84
3- Ăn uống ngoài gia đình	119,26	112,87	101,91
II, Đồ uống và thuốc lá	115,94	110,08	101,72
III, May mặc, mũ nón, giày dép	114,37	108,56	101,88
IV, Nhà ở và vật liệu xây dựng ^(*)	124,34	113,63	101,11
V, Thiết bị và đồ dùng gia đình	109,91	106,84	100,84
VI, Thuốc và dịch vụ y tế	105,55	104,30	100,38
VII, Giao thông	115,31	103,80	100,74
VIII, Bưu chính viễn thông	90,73	94,18	99,92
IX, Giáo dục	131,97	124,81	103,88
X, Văn hoá, giải trí và du lịch	105,62	103,51	100,65
XI, Hàng hoá và dịch vụ khác	117,77	109,54	101,02

^(*) Nhóm này bao gồm: tiền thuê nhà ở, điện, nước, chất đốt và vật liệu xây dựng